

Số: 49 /KH-TĐTT ĐN

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 01 năm 2010

## KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2010 - 2012

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 48 /QĐ-TĐTT ĐN ngày 18 tháng 01 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng)

Thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2008 Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng đã đăng ký Tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả Tự đánh giá của Trường cho thấy còn nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí quy định, cần có kế hoạch hành động mới đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, phải xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng dài hạn, kế hoạch cho từng năm học với một cơ chế trong đó thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, vai trò quản lý điều hành của Chính quyền, sự tham gia có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể và mọi thành viên trong nhà trường. Đây là vấn đề cốt lõi cần được giải quyết trong bối cảnh thực tiễn của Trường hiện nay và yêu cầu ngày càng cao của người học, cũng như nhu cầu thị trường lao động đối với các sản phẩm đầu ra có chất lượng cao.

Trên cơ sở thực tiễn và các quy định hiện hành, để hoàn thành sứ mạng của Nhà trường và kế hoạch phát triển đến năm 2010, quy hoạch đến 2015 và định hướng đến 2020, Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng ban hành Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2010- 2012 như sau:

### I. Cơ sở pháp lý.

Luật Giáo dục năm 2005 và Nghị định số 75/2006/NĐ-CP.

Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo QĐ số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT.

Quy định chu kỳ và quy trình kiểm định chất lượng chương trình giáo dục của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành theo Quyết định số 29/2008/QĐ-BGDĐT

Đề án thành lập Trường Đại học TĐTT III Đà Nẵng” và “Kế hoạch phát triển nhà trường đến 2010, quy hoạch đến 2015 và định hướng đến 2020.

Báo cáo Tự đánh giá của Trường tháng 5/2009.

Phương hướng nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT và của Trường.

Các văn bản quy phạm pháp luật về công tác ĐBCL giáo dục, tài liệu các Hội nghị, hội thảo về công tác ĐBCL giáo dục trong và ngoài nước

## II. Thực trạng chất lượng giáo dục của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng

### 1. Về công tác Tổ chức, hành chính.

#### a. Mặt mạnh:

Sứ mạng và mục tiêu của Trường đã được xác định rõ ràng và phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực, được xây dựng gắn kết với chiến lược phát triển của địa phương và nhu cầu xã hội.

Mục tiêu của nhà trường được xác định trên cơ sở phát huy trí tuệ tập thể, có sự thống nhất cao giữa Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể. Mục tiêu giáo dục được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong CBVC, sinh viên thông qua các kênh thông tin.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được sắp xếp và kiện toàn theo đúng các quy định của Bộ VHTT&DL, phù hợp với quy mô thực tế và tình hình phát triển. Có quy chế tổ chức hoạt động của từng đơn vị. Chức năng trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, được xây dựng thành văn bản quản lý có hệ thống, có cơ sở pháp lý, phát huy được tính chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Đảng bộ Nhà trường đoàn kết, thể hiện được trí tuệ tập thể trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của tổ chức mình. Công đoàn Trường phát huy được vai trò của mình trong việc tập hợp động viên công đoàn viên thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động. Đoàn Thanh niên luôn là lá cờ đầu khởi các trường học của Thành đoàn Đà Nẵng.

Nhà trường có kế hoạch xây dựng và đã sử dụng hợp lý nguồn nhân lực hiện có của mình. Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC và nhân viên, công tác quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo quy định dân chủ công khai.

Số lượng giảng viên hiện có về cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của Trường. Cơ cấu giảng viên tương đối hợp lý cho các chuyên ngành đào tạo, số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ, thạc sĩ đã được chú trọng phát triển trong những năm gần đây. Đội ngũ giảng viên trẻ được bổ sung thường xuyên và đang được trẻ hoá, kỹ thuật viên và nhân viên có nghiệp vụ, có kinh nghiệm và nhiệt tình với công việc.

#### *b. Tồn tại:*

Chưa có biện pháp tích cực nhằm công bố sứ mạng đến các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan sử dụng sản phẩm của mình. Việc thực hiện mục tiêu của trường còn phụ thuộc nhiều vào nhiệm vụ do Bộ VHTTDL, Bộ GD&ĐT giao và các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính.

Hệ thống văn bản quản lý còn thiếu, một số nhiệm vụ, công tác mới phát sinh chưa được bổ sung kịp thời.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số chuyên ngành chưa thực sự hợp lý, số lượng KTV-NV được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn còn ít. Công tác tổ chức đánh giá cán bộ quản lý hàng năm tuy được triển khai nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước còn hạn chế.

Tỷ lệ giảng viên trên sinh viên thấp so với quy định của Bộ GD&ĐT, giảng viên có trình độ tiến sĩ còn ít, trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

## **2. Công tác đào tạo.**

### *a. Mặt mạnh.*

Trường đã có chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và thị trường lao động. Có đầy đủ chương trình, kế hoạch đào tạo cho các chuyên ngành theo từng hệ đào tạo.

Chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu giữa kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành, được bổ sung điều chỉnh định kỳ. Thực hiện nghiêm túc đầy đủ các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT về hình thức, tổ chức đào tạo, cấp văn bằng, chứng chỉ. Từng bước đa dạng hoá các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học và quy mô đào tạo.

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động học tập của học sinh và sinh viên tốt nghiệp được quản lý chặt chẽ, chính xác bằng quản lý phần mềm.

### *b. Tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa linh hoạt. Một số môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo chưa có giáo trình chuẩn, chưa đưa đề cương chi tiết lên mạng. Việc tổ chức lấy ý kiến người học về chất lượng dạy học chưa được thực hiện, chưa thực hiện việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để có điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá. Chưa có bộ phận chuyên trách và phương án khảo sát theo dõi tình hình người học tốt nghiệp có việc làm.

### **3. Về công tác sinh viên**

#### *a. Mặt mạnh:*

Nhà trường đã có những biện pháp tạo điều kiện cho người học hiểu rõ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học, đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khoẻ và đầu tư kinh phí cho các hoạt động xã hội, giao lưu văn hoá, văn nghệ cho người học. Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các lực lượng ở địa phương, gia đình trong công tác quản lý giáo dục, rèn luyện học sinh sinh viên.

Nhà trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn và phong trào sinh viên. Công tác phát triển đảng trong sinh viên được chú trọng đúng mức.

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, sinh viên có ý thức trong sinh hoạt, học tập, thực hiện các quy định của nhà trường cũng như chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của học sinh sinh viên.

#### *b. Tồn tại:*

Việc cung cấp các thông tin cho người học về mục tiêu đào tạo, quy chế đào tạo chưa cập nhật kịp thời do các phương tiện phục vụ cho công tác này còn hạn chế. Trường chưa tổ chức việc thăm dò ý kiến phản hồi từ người học về nội dung, hình thức cũng như hiệu quả của các hoạt động liên quan đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện lối sống của người học. Việc tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên chưa được thực hiện. Chưa tổ chức điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, công tác cựu sinh viên chưa được triển khai và chú trọng thực hiện.

### **4. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.**

#### *a. Mặt mạnh:*

Trường có kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, các văn bản hướng dẫn triển khai hoạt động khoa học công nghệ. Định hướng hoạt động KH&CN trong những năm qua đã gắn với các hoạt động đào tạo, trên cơ sở đề ra những chính sách phù hợp vừa khuyến khích vừa nâng cao trách nhiệm, vừa huy động được đội ngũ CBVC tham gia NCKH. Thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học cấp trường, liên trường, duy trì nội san khoa học trong trường.

Công tác HTQT được thực hiện trong chính sách quan hệ quốc tế của Đảng và Chính phủ. Bước đầu thiết lập quan hệ hợp tác với một số trường, học viện nước ngoài, hàng năm đón từ 2 đến 3 đoàn khách quốc tế và cử từ 2 đến 3 đoàn đi công tác ở nước ngoài. Hoạt động HTQT được thực hiện đúng quy định và đi vào hiệu quả thiết thực.

#### *b. Tồn tại:*

Chưa có chiến lược phát triển NCKH dài hạn và lộ trình cụ thể nhằm tạo nguồn thu được qua NCKH, Số đề tài cấp nhà nước, đề tài dự án có kinh phí lớn còn quá ít. Các đề tài mới tập trung vào khâu cải tiến phương pháp, nâng cao hiệu quả dạy và học, chưa có đề tài NCKH cấp nhà nước hoặc bài báo đăng tạp chí chuyên ngành quốc tế, hoạt động nghiên cứu chưa mở rộng liên kết. Chưa có nguồn thu nào từ NCKH và chuyển giao công nghệ.

